TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 672/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Võ Hoàng Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 tháng 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Thanh T,** sinh năm 1999

HKTT: 227/1/10A Lạc Long Q, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: A33/16JC3 ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Vũ H**, sinh năm 1997

HKTT: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: A33/16JC3 ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 31/12/2021, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Vũ H quen biết do tự tìm hiểu và kết hôn có tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước vào năm 2020. Sau khi kết hôn hai ông bà chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn kể từ sau khi đăng ký kết hôn, nguyên nhân do ông H ăn nhậu, cờ bạc, bỏ bê gia đình, không chăm sóc cho con cái. Ông H bắt bà phải vay tiền cho ông ăn chơi nếu không đồng ý thì ông Hoàng la mắng, đánh đập bà. Hiện nay bà và ông H đã ly thân từ năm 2021. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, không tìm được tiếng nói chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Vũ Minh K, sinh ngày 07/01/2021. Trẻ K hiện nay đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Thanh T đối với ông Vũ H. Giao con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 07/01/2021 (giới tính: nam) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông H. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Bà Đinh Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Vũ H. Theo kết quả xác minh của công an xã B xác nhận thì ông Hoàng có đăng ký tạm trú tại địa chỉ A33/16JC3 ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 08/08/2019. Như vậy có căn cứ xác định ông H có nơi cư trú tại huyện C nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Vũ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Đinh Thị Thanh T và ông Vũ H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 29/10/2020. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.*"

[5] Tại phiên tòa, bà T xác nhận bà và ông H chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cho biết hiện nay bà Đinh Thị Thanh T và ông Vũ H không sống chung, bà T và ông H có con chung đang sống cùng bà T tại địa chỉ A33/16JC3 ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông H đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H.

[6] Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông H có 01 (một) con chung tên Vũ Minh K, sinh ngày 07/01/2021 (giới tính: nam). Hiện nay trẻ K do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

[8] Bà Tâm có yêu cầu được nuôi trẻ K. Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nêu rõ yêu cầu của bà Tâm, nhưng ông H không có văn bản nêu rõ ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T và ông cũng không đến Tòa án tham dự các buổi hòa giải, phiên tòa xét xử mà vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Bà T xác định hiện nay trẻ K đang sống cùng với ông bà. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ K, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,…*". Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*"

[10] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà T và ông H. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho trẻ K có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường, ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà T, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H.

[11] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung. Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa ông với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung giữa bà T và ông H trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[12] Về án phí: Bà Đinh Thị Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Thanh T đối với ông Vũ H.

1.1. Bà Đinh Thị Thanh T được ly hôn với ông Vũ H.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 108 do Ủy ban nhân dâm xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/10/2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên Vũ Minh K, sinh ngày 07/01/2021 (giới tính: nam). Hiện nay trẻ K do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng.

2.1. Giao trẻ Vũ Minh K, sinh ngày 07/01/2021 (giới tính: nam). cho bà Đinh Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Vũ H.

2.2. Ông H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040379 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước; (1)
- Các đương sự; (3)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Duy Linh